TÒA ÁN NHÂN D **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2023/HNGĐ -ST
Ngày: 08/8/2023
V/v Ly hôn, trxh chấp con chung khi ly hôn

NHÂN DXH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quxg Đại
Các Hội thẩm nhân D:
1. Bà Đinh Thị Út
2. Bà Phạm Thị Dung

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Toà án nhân D huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân D tỉnh Lào Cai.

Ngày 08/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, trxh chấp con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thxh L – Sinh năm 1980;

Trú tại: Thôn C4, xã C C, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Xh Nguyễn Văn N – Sinh năm 1972;

Trú tại: Thôn C4, xã C C, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn xh Đinh Thị Thxh L trình bày:

Về qux hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thxh L và chị Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Lao, huyện Thxh Ba, tỉnh Phú Thọ và năm 2001. Sau khi đăng ký kết hôn chị L và xh N sinh sống tại thôn C4, xã C C, huyện Bảo Yên. Sau khi kết hôn chị L và xh N chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do xh chị chung sống không hòa hợp, thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau. Xh N đã

nhiều lần trêu trọc nhiều người phụ nữ khác dẫn đến mất tình đoàn kết thôn xóm. Xh N luôn nghĩ rằng chị L có qux hệ bất chính với người đàn ông khác nên đã đánh chửi chị L nhiều lần. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đã khởi kiện yêu cầu được ly hôn xh N.

Về con chung: Xh chị có 02 con chung: Cháu Nguyễn Ái D – Sinh ngày 15 tháng 4 năm 2002, cháu Nguyễn Phú X – Sinh ngày 17 tháng 7 năm 2007. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu Tòa án giải quyết để chị nuôi dưỡng cả 02 con chung không yêu cầu xh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong bản tự khai của chị Nguyễn Văn N đã N trí với chị L về qux hệ hôn nhân, không yêu cầu chia tài sản chung. Nhưng không N trí với chị L về nguyên nhân mâu thuẫn và quyền nuôi con sau khi ly hôn. Theo xh N xh có nhắn tin cho một số người đồng hương nhưng chị L nghi ngờ xh có qux hệ bất chính với người phụ nữ khác, theo xh N tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không N trí ly hôn. Về con chung trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, xh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú X không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Ái D đã trưởng thành xh L không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng D sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ bx thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đương khởi kiện của chị Đinh Thị Thxh L.

- Về qux hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Thxh L ly hôn xh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú X – Sinh ngày 17 tháng 7 năm 2007 cho chị Đinh Thị Thxh L trực tiếp nuôi dưỡng. Xh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về qux hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn xh Nguyễn Văn N. Xh N cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy qux hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, trxh chấp con chung khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng D sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn đã tự khai nhưng không tham gia phiên họp tiếp cận công

khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng D sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về qux hệ hôn nhân: Chị L và xh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Lao, huyện Thxh Ba, tỉnh Phú Thọ. Do vậy qux hệ hôn nhân giữa xh chị là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do không hợp, luôn nghi ngờ nhau có qux hệ bất chính với người khác dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được chứng cứ xác định mâu thẫn giữa chị L và xh N. Qux hệ hôn nhân giữa chị L và xh N đã đến mức trầm trọng. Cần xử cho chị Đinh Thị Thxh L ly hôn xh Nguyễn Văn N là phù hợp với khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung:

Trong quá trình giải quyết chị Đinh Thị Thxh L đã cung cấp được chứng cứ (Bản sao bảng lương) mỗi tháng chị có thu nhập 9.475.000 đồng. Xh N không cung cấp chứng cứ mức thu nhập. Cháu Nguyễn Phú X có nguyện vọng được sống cùng chị L sau khi xh N và chị L ly hôn. Cần giao cháu Nguyễn Phú X – Sinh ngày 17 tháng 7 năm 2007 cho chị Đinh Thị Thxh L trực tiếp nuôi dưỡng. Xh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Nguyễn Ái D – Sinh ngày 15 tháng 4 năm 2002 đã trưởng thành. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con sau khi ly hôn. Theo quy định của luật hôn nhân và gia đình Tòa án chỉ giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con đối với con dưới 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xét xử.

[6] .Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng D sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về qux hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đinh Thị Thxh L được ly hôn xh Nguyễn Văn N. Qux hệ hôn nhân giữa chị L và xh N chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Phú X – Sinh ngày 17 tháng 7 năm 2007 cho chị Đinh Thị Thxh L trực tiếp nuôi dưỡng. Xh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xh Nguyễn Văn N có quyền thăm nom con chung, sau khi ly hôn. Không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án D sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án D sự.

3. Về án phí:

Xh Đinh Thị Thxh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001637 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HĐXX	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đinh Thị Út – Phạm Thị Dung	**Vũ Quxg Đại**

Nơi nhận:
- TXD tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Võ Lao,
  huyện Thxh Ba, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quxg Đại